

# BẮC SƠN LỤC

## QUYỂN 2

### I. PHÁP TỊCH HÙNG

(Thiên này nói về lý do kiến lập ra kinh luật luận là giáo pháp một đời của Như lai).

Dưới gốc cây, nhiếp phục quân ma, giúp cho thiên hạ được thái bình (Đức Phật lúc mới thành đạo, ngồi trên tòa Kim Cang dưới cội Bồ-đề tại thành Già-da, dùng năng lực trí tuệ nhiếp phục ma quân, giúp cho pháp giới vắng lặng), thương xót thế gian mà lập giáo suốt bốn mươi chín năm (vì ba mươi tuổi thành đạo, bốn mươi chín năm nói pháp độ người, bảy mươi chín tuổi nhập diệt), chia kinh, luật, luận làm ba tạng (kinh là Tu-đa-la tạng, luật là Tỳ-nại-da tạng. Luận là Ma-đắc-lặc-già tạng), dùng năm giới, mười thiện, bốn Đế, mười hai nhân duyên, sáu độ làm năm thừa (năm giới là nhân thừa, mười thiện là Thiên thừa, bốn Đế là Thanh văn thừa, mười hai nhân duyên là Duyên giác thừa, sáu Ba-la-mật là Bồ-tát thừa). Bao gồm mười hai phần (một là Khế Kinh, hai là trùng tụng, ba là ký biệt, bốn là trùng thuyết, năm là tự thuyết, sáu là duyên khởi, bảy là thí dụ, tám là bản sự, chín là bản danh, mười là phương quảng, mười một là hy hữu pháp, mười hai là luận nghĩa. Cũng gọi là mười hai bộ giáo). Khai bốn tông: (Kinh, luật, luận và chú), (Âm giáo vừa mới khởi mà hiệp cả pháp tâm, có nhắm đặt đó gọi là Cam-lô, cũng có khi cho đó là Trống Độc (Tùy theo bệnh mà, trừ nhiệt não nên gọi là Cam-lô, chẳng đúng bệnh, khởi phiền não nên gọi là trống Độc). Đấng Chí thánh đã thị tịch mà di ngôn gần dứt, Vương Thành mới đầu nhóm họp đến Thạch Thất (Chí thánh tức Đức Như lai) Đại Ca-diếp với bảo một ngàn vị Ứng chân, soạn định thuyết tựa để không rơi lạc, thiếu sót yếu chỉ (soạn âm là tuyền, Đức Phật diệt độ, sau khi Trà-tỳ, Đại Ca-diếp bảo ngàn vị La-hán đến hang Tất-bát-đa, kết tập pháp tạng, thỉnh vua Vô Ưu làm chủ Đàn hộ). Quy thị thi vị ấy (thi là chủ, Quy thị là Ca-diếp). đầu tiên là ngài Ưu-bà-ly được đề cử tụng luật Bộ (Ưu-bà-ly là

thợ cắt tóc cho các Thích Tử, khi các Thích Tử xuất gia, bèn trao vòng xuyên v.v... cho, Ưu-bà-ly được rồi trong tâm tự nghĩ: Các người này tánh cao thể quý mà còn xả bỏ, hướng chi ta kẻ hèn, giữ vật báu chỉ chịu khổ, bèn treo lên cây, nếu ai cần thì tùy ý nhận dùng, do đó cầu xin xuất gia, thường mở rộng luật Bộ). Ưu-ba-ly rời chỗ ngồi mà đến tòa (Đại Ca-diếp lúc mới đầu ở Tất-bát-la-đặt-ba pháp tòa, một khiến kết tập luật tạng, một khiến kết tập kinh tạng, một khiến kết tập luận tạng. Nên Ưu-ba-ly rời khỏi chỗ ngồi mà đến tòa này) đánh lễ dưới chân chúng tăng rồi bước lên, tay cầm quạt ngà voi, đứng như những điều trước kia Phật nói, không trái lỗi văn tự (mỗi một đều y như Phật hiện còn mà nói, chẳng thiếu một câu một chữ). Một ngàn vị Lậu tận thay nhau quán xét thay biên ghi, lại đáp lại lời đó, sau mới quyết định, đủ tám mươi lần, nên gọi là Bát thập tụng (Ưu-bà-ly ghi nhớ toàn bộ mà nói. Đại chúng ghi chép xong mà kết tập. Kế đến, bảo A-nan (A-nan vốn vì còn ở giai vị hữu học, chẳng được dự vào số chúng, bị đuổi ra ngoài hàng, bèn đem ba cõi chín hoặc buộc thành chín loại, khởi chín thứ vô gián đạo đoạn, chín giải thoát đạo chứng. Sau đó được ba minh sáu thông, dùng thần cảnh thông, theo lối hồng ở cửa mà vào, nên được dự vào hội. Ca-diếp bèn bảo kết tập Kinh tạng, Ca-chiên-diên kết tập Luận tạng). A-nan đáp: Thường vãng, như Ưu-ba-ly, qua ba tháng, Ấm quang ngu dật vong, dùng lực trí nguyện quán sát đó không biến mạn (Ấm quang tức là Đại Ca-diếp, ngu là lự, Dật vong là tan mất, sợ trải qua dài ngày tan mất, bèn thường dùng trí nguyện để quán xét không biến mạn). Phạm trăm năm đường dài rộng, người dùng biết dạy răn (từ sau khi Đức Phật diệt độ, Ca-diếp mở mang pháp tạng hai mươi năm, rồi giao phó cho A-nan, cũng hai mươi năm lại giao phó cho Mạt-điền-địa, hai mươi năm, Mạt-điền-địa lại giao phó cho Thương-na-hòa-tu, hai mươi năm sau Thương-na-hòa-tu lại giáo phó cho Ưu-ba-cúc-đa, năm vị cộng lại thành trăm năm, mở mang và hành trì pháp tạng). Sau trăm năm, Ưu-ba-cúc-đa trái thế, pháp tham ... trực (trái thế là viên tịch, phục bên ngoài, gọi là tham v.v... là tàn, dự cho sau khi Ưu-bà-cúc-đa thị tịch là pháp thừa bị tổn hủy). Tuy bạc xà can hỷ chiếm dấy mười lỗi, mà gồm bảy trăm người như Ly-ba-đa, v.v... không đấm dĩnh mắc, như kim bộc cô mà xuyên lỗ cáo (sau khi Đức Phật diệt độ trăm năm, tại nước Tỳ-xá-ly, có Tỳ-kheo Bạt-kỳ-tử nói mười việc là thanh tịnh, đó là chỉ thức ăn khô, uống sao, nhận cất vàng bạc v.v... mười việc đều bị Phật cấm không cho phép. Trưởng lão Ly-ba-đa và tất cả đến chỗ thượng tọa Tam-phù-na và bảy vị La-hán Trưởng lão ở thôn Sưu-bà v.v... làm pháp

Yết-ma mà dứt diệt tội đó, soạn ra Luật Tứ phần năm mươi bốn quyển. Cảo là lụa trắng, kim bộc cô là tên mũi tên, Lỗ Trang Công dùng để bắn Củng Trường vạn). Thế rồi, Đại trưởng lão Ma-ha-đề-bà (tức Đại Thiên, vốn là con của một vị thượng chủ nước Thổ-hỏa-la, nhân người cha đi xa, bèn gian dâm với mẹ, khi người cha trở về bèn giết cha, sau cũng giết cả mẹ, và A-la-hán. Do sợ tội mà cầu xuất gia, rất thông minh, rộng thông ba tạng) trộm danh của bậc thánh, cậy thế của vương giả (tự nói: Ta đắc A-la-hán, vào cung vua Vô Ưu, thường làm thầy của các bậc vương giả. Hồ là cậy. Bỏ tránh là tâm, lia chiết là mỗ, tăng tổn lời Phật, độc loạn thánh điển (nhân ngày rằm, chúng tăng thuyết giới mà vọng có nói năng, độc loạn lời thánh, bất hòa với chúng tăng). Các bậc thánh quả trách thì chống trái mà chẳng trái qua, (thánh chúng thượng tọa quả trách trái loạn lời Phật bèn thành sự tranh cạnh, vua chẳng thể giảng hòa được). Đồ chúng đó nhưng cho rằng tương cật mà làm quán thù (đồ chúng của Đại Thiên như lông dím mà tương lừng lực cùng thánh chúng chung làm giặc thù) các thánh chẳng khắc ngự hội (khắc là năng. Đại thiên bộ cường thịnh, thánh chúng bộ chẳng thể cản ngăn) bèn chia thành hai bộ (Đại Thiên là Đại chúng bộ, thánh chúng bộ là Thượng tọa bộ). Hai bộ phải lưu truyền rất rộng chẳng trái, mãi trăm năm tiếp xâm thành hai mươi bộ (trong Đại chúng chia ra thành chín bộ: Một là Thuyết bộ; hai là Thuyết xuất thế bộ; ba là Kê dận bộ; bốn là Đa văn bộ; năm là Thuyết giả bộ; sáu là Chế-đa-sơn bộ; bảy là Tây sơn trú bộ; tám là Bắc sơn trú bộ và Bộ gốc thành chín bộ. Thượng tọa bộ chia thành mười một: Một là Thuyết nhất thiết Hữu Bộ; hai là Tuyết Sơn Trụ bộ; ba là Độc tử bộ; bốn là Pháp thượng bộ; năm là Hiền trụ bộ; sáu là Chánh lượng bộ; bảy là Mật lâm sơn bộ; tám là Hóa địa bộ; chín là Pháp Tạng bộ; mười là Âm quang bộ; mười một là kinh lượng bộ. Tuyết Sơn bộ là bộ gốc, vậy thành hai mươi bộ). Thương Thay! Hóa thuần là nhạt, Đại nghĩa là thừa. Thuần nhạt là rượu nhạt. Phật diệt độ từ sau trăm năm, chia thành hai mươi bộ, pháp vị bạt nhạt) Chiết vàng tranh điệp, phân sông từ đó uống (thí như một cây gậy vàng chia thành năm đoạn, mỗi đoạn đều là vàng, như Phật pháp chia làm năm bộ. Thân phụ Phật Ca-diếp là vua Cát-lợi-chỉ từng thấy mười điều mộng, đều tiêu biểu cho các đệ tử trong di giáo của Thích-ca; một là mộng thấy một xấp lụa trắng, hai mươi người tranh nhau tấm lụa đó. Mà tấm lụa chẳng rách, tiêu biểu cho hai mươi bộ Đại Tiểu thừa này sau khi tranh nhau thì phân sông mà uống nước! Nên các Bộ nói Khế kinh như vậy, bộ ta chẳng tụng, mà ở tự Bộ đều đến nơi giải thoát (đều cho giáo của tự bộ là lời Phật, còn bộ

khác thì chẳng phải). Tông Đại Thừa: Luận Đại Trí Độ nói là Văn-thù-sư-lợi cùng các đệ tử tổ chức đại hội tại núi Thiết Vi, mời A-nan đến tụng, các Thanh văn chẳng thể dự nghe (luận Đại Trí Độ cũng nói: Đại thừa kết tập là Bồ-tát Văn-thù cùng A-nan, v.v... kết tập tại núi Thiết Vi. Khi ấy đều là Đại thừa, các Thanh văn Tiểu trí chẳng được tham dự). Các Thanh văn nghe điều đó, mê loạn điên đảo, hoặc cho là Biệt thừa (nghĩa là Nhị thừa thật Thanh văn), hoặc có người chẳng xoay tâm (nghĩa là các Thanh văn định tánh chẳng xoay tâm, là thuộc loài nguội tâm bất trí, nghe nói Đại thừa, mê đảo chẳng tin) các kinh khác, thánh khác, chê chẳng do luận, đâu phải khó của hành mà cũng chẳng thể biết đó ư? (Hoặc có các bậc Thánh của bộ kinh giáo khác và các bộ chê luận mà chẳng lấy. Vì luận là tuệ học, nghĩa lý sâu mầu, học đó thật khó, mà biết cũng chẳng được). Di-lặc soạn Du-già gồm mười bảy địa (một là năm thức thân tương ứng địa, hai là Tuệ Địa. Hai là ý Địa, ba là hữu tâm hữu tư địa, bốn là không tâm chỉ tư địa, năm là không tâm không tư địa, sáu là Tam-ma-hê-đa-địa, bảy là chẳng phải Tam-ma-hê-đa-địa, tám là có tâm địa, chín là không tâm địa, mười là văn sở thành địa, mười một là tư sở thành địa, mười hai là tu sở thành địa, mười ba là Thanh văn địa, mười bốn là Duyên giác địa, mười lăm là Bồ-tát địa, mười sáu là hữu dư địa, mười bảy là vô dư y địa, nêu đủ ba thừa mở bày giảng nói (tiếng Phạm là Du-già, Hán dịch là tương ứng, nghĩa là tất cả thừa cảnh hạnh quả, v.v... tất cả các pháp đều gọi là tương ứng, tức mười bảy địa gọi đó là sư). Sau các học giả coi Văn-thù là pháp tánh, coi Từ Thị là pháp tướng (pháp tánh lấy chân lý dung quán làm môn, pháp tướng lấy thức tướng Hành Bồ làm yếu chỉ) mỗi tự phong giữ bờ vực, cũng rong ruổi chương cú, tự khoe đẹp đó (người người sau y cứ tánh tướng có khác, tông về tánh là lấy dung quán làm hay, tông về tướng thì lấy riêng biệt làm khéo, mỗi mỗi đều y cứ). Đến nỗi khiến Tây cực đông hoa, mọi người mãi đến ngày nay có sự khác nhau giữa hai tông Nam bắc, nên Nam tông thì lấy không giả trung làm Ba quán (Quán Biến kế phiến não không xứ năng hiển chân lý làm chân đế quán. Quán y tha giả có làm tục, Đế quán là quán chân tục hỗn đồng làm đệ nhất nghĩa Đế quán). Bắc tông thì biến kế, y tha, viên thành là ba tánh (Biến kế nương vọng tình mà sinh, y tha mượn các duyên mà khởi, viên thành tức chân lý). Mà Hoa Nghiêm lấy thể tánh đức tướng nghiệp dụng làm Phạm vi pháp giới (tức năng chứng sở chứng thể dụng mà nói phạm vi bao la). Được môn đó, gồm cả Nam bắc, đó như chỉ nơi các lòng bàn tay (học Hoa Nghiêm là thấu đạt cội nguồn tánh tướng, đều hết yếu chỉ Nam

bắc) Ấn-độ truyền pháp, từ Đại Quy Thị đến Tỳ-kheo Sư Tử có hai mươi bốn vị, thường tiếp nối chân áo truyền bá rộng khắp (từ sau Phật diệt độ, Đại Ca-diếp mở mang giữ gìn pháp tạng, cho đến Tỳ-kheo Sư Tử có cả thấy hai mươi bốn vị, thường lan tỏa dấu vết của Năng Nhân, khéo phát lên ngọn gió mâu nhiệm của tổ thánh) mãi đến lúc Tỳ-kheo Sư Tử bị hại ở Kế-tân, từ đó, tương thừa tương phó mới hết (Tỳ-kheo Sư Tử tuyên pháp đến nước Kế-tân bị vua Kế-tân giết hại, từ đó về sau, pháp tạng tuy truyền mà đạo đó mỏng nhạt! Nhưng giới pháp ngăn ngừa họa hoạn chỉ có Đại thánh cấm chế (giới, tiếng Phạm là Tỳ-nại-da, Hán dịch là Điều phục tạng, vì ngừa quấy ngăn lỗi điều phục ba nghiệp của hữu tình, Đức Như lai đích thực cấm chế rất vì căn dặn). Vì giới tức nghiệp của bảy chi, nghiệp tánh rất sâu, thành đạt trí lực rõ biết vì nghiệp mới tột cùng số đó (bảy chi: Tức thân có ba nghiệp: Sát, Đạo, dâm, không có bốn nghiệp: Ác khẩu, lưỡng thiệt, vọng ngôn, ý nghĩ, cộng thành bảy chi, thành đạt trí lực là rõ số của nghiệp vậy) nên khai già trì phá, liên quan đến tổn ích, mà Phật trước Phật sau đều chẳng gửi miệng mà nói (trong giới pháp, có khai thì chấp thuận dung thông, có già thì tuyệt làm, có trì là giữ chắc chẳng phạm, phá là lầm phạm chẳng trì. Luật tạng chính do Phật thế, chẳng do giữ miệng mà truyền nói). Lại cao bày giữ lời chẳng phù hành, tâm giúp định tuệ để Huyền giải (Đức Như lai nói lập cấm giới, bày cao ngăn ngừa phù phiếm, tâm tập hành định tuệ để đạt đến Huyền giải. Huyền giải là như dùng dây treo vật, mà treo tuệ giải liễu đạt như mở ra). Nên cũng gọi là Ba-đề-mộc-xoa (Ba-la-đề-mộc-xoa, Hán gọi là giới biệt giải thoát, nghĩa là bảy chúng nghiêm trì, mỗi mỗi giải thoát riêng biệt. Lại, trì một giới, được một giải thoát). Kinh gồm năm hạng người nói (luận Đại Trí Độ chép: Năm hạng người là: Một là Phật; hai là đệ tử; ba là thần tiên; bốn là trời; năm là biến hóa) để nêu thiện ỉn ác, dẫn vật khởi tin, phân định tà chánh, đều được gọi là nghĩa dây mực (chương là rõ, ôn là bệnh, bệnh ở ác mà rõ ở thiện, dẫn dắt sinh khởi, có người chẳng tin thì dẫn đó khiến tin, người chẳng định thì mổ xẻ người, tà khúc thì sửa đổi ngay đó, như ở đời dây mực năng chỉnh thẳng cong co của gỗ). Bao gồm tánh tướng, chẳng để tan mất, xuyên suốt tâm người, đều được gọi là nghĩa kết man. (trong kinh tánh tướng đều bao gồm nghĩa tụ, trước sau liền suốt, như người ở Tây Vực dùng chỉ xỏ tràng hoa đi nghiêm sức) chỉ ngôn có chuẩn, quy củ hợp độ, mà dân là pháp tắc đó đều được, gọi là pháp nghĩa (giống như lời vua ban ra, thiên hạ đều vâng theo. Quy là tròn, củ là vuông. Vuông tròn đều hợp chế độ làm tiêu chuẩn của người, nên gọi là Pháp.

Pháp là phép tắc). Lời đó như lan, tin theo là hằng, thiên hạ rót đó mà chẳng biết hết đó đều được, gọi là nghĩa thường (Lan là cỏ thơm, hằng là thường, như suối tuôn chảy chẳng khô cạn, nên gọi là thường). Luận gồm cả đệ tử soạn. Vì năng hợp lia chân tục, buông chứa danh lý, lối sâu tại vỏ, phong vị phái thắm, nguyên do của pháp nghĩa sinh nên đều được, gọi là Ma-đát-lý-ca (Luận là tuần hoàn nghiên cứu điểm huyết chân tông làm nghĩa. Vốn chỉ do Phật nói rải rác trong các kinh về sau, các thánh đệ tử lớn nhỏ đều cũng soạn mà năng lia hợp chân tục, khu tánh sắc tâm, định chỉ quy của không hữu, tận lối sâu của danh nghĩa, đó chỉ là luận Tạng. Tiếng Phạm là Ma-đát-lý-ca, Hán dịch là Bản mẫu, năng sinh trí tuệ như mẹ sinh con). Kiểu phục cầm túng, khả tắc quan kiểu (kiểu là đối trá, phục là thuận, cầm là bắt đoạt, túng là buông thả. Đạo của luận nghĩa hoặc đối hiện buông thuận mà sau đoạt lấy nghĩa đó. khả là khai mở, tắc là đóng bít, quan là khóa cửa, kiểu là đường nhỏ, luận tông có mở có bít, có ngăn phòng, bít chốt cốt yếu), Phát mong đích đó, phóng buông có thừa đồng duệ (đạo của quả phát ngôn, phải có chuẩn đáng, như mũi tên bắn đi có phải mang trúng đích, thí là buông phóng, buông phóng nghĩa đề đó phải khiến đồng khí có thừa. Môn khổ lý trong bốn tông chẳng hiển luận tông, v.v...) ngoại đạo khác đảng, chẳng dám khinh hối (luận là đẹp tà hiển chánh nên các ngoại đạo chẳng dám khinh mạn), nên đều gọi là Ưu-ba-đề-xá (tiếng Phạm là Ưu-ba-đề-xá, Hán dịch là luận nghĩa vậy) Pháp là sở đối (thuộc về cảnh sở chiếu) tuệ thì hương quán (nghĩa là tâm năng chiếu). Hương thì khắc diệt (nghĩa là trí năng chứng khởi thì các hoặc đều dứt). Quán thì khắc thánh (nghĩa là Tuệ chiếu lý như đèn đó chiếu vật thì năng hiển thánh đạo) nên đều gọi là A-tỳ-đạt-ma (tiếng Phạm là A-tỳ-đạt-ma, Hán dịch là Vô Đối pháp). Xưa một thuở nọ, Đức Phật nói khoảng giữa đây kia mà nhập định (một ngày nọ, Đức Phật nói khoảng giữa đây và kia ba thứ chưa chỉ nhập định), các Đại đệ tử, đều tự lấy sự hiểu biết của mình, đua nhau giảng nói thánh ý, hoặc cho sinh tử là đây, Niết Bàn là kia, đạo là khoảng giữa (sinh tử, nghĩa là hai thứ phân đoạn và biến dịch sinh tử làm đây. Niết Bàn nghĩa là bốn lý của Niết Bàn sở chứng làm kia, đạo thì trí năng chứng làm khoảng giữa). Hoặc là nhãn căn làm đây, sắc cảnh làm kia, thức là khoảng giữa (căn là năng chiếu, cảnh là sở chiếu, thức tại khoảng giữa là năng liễu biệt). Như vậy mới có năm trăm nói, chẳng đoạt nhau với chí (tuy đều chẳng đồng, cũng đều nói lên chí đó) đến lúc Đức Đại Thánh nhập định, Xá-lợi-phất, v.v... bày tình xét nghi, Đức Phật dạy: Xúc là đây, tập là kia, thọ là khoảng giữa

(xúc là đối cảnh, tập là năng nhiệm, tâm thọ ở khoảng giữa lãnh nạp) các ông tuy chẳng phải ý ta, nhưng đều là nhân của diệt khổ, đều nên thọ trì, chớ để quên mất (tào là bọn, điều đệ tử nói tuy chẳng phải bản ý của Phật, nhưng cũng không trái đạo lý) nên ngày Đức Phật chưa thị tịch, Xá-lợi-phất soạn tập dị môn túc luận (gồm hai mươi quyển, một trăm tám mươi chín trang, do Huyền Tráng dịch) Mục-liên soạn Pháp Uẩn Túc luận (hai mươi quyển, một trăm bảy mươi tám trang, Huyền Tráng dịch) Ca-đa-diễn-na soạn Thi Thiết Túc Luận (mười tám ngàn bài tụng, bộ này chưa thấy lưu hành, ba bộ luận trên đều do các vị đệ tử soạn lúc Đức Phật còn tại thế) Ngọc Hào đã ẩn, ĐỀ-bà-thiết-ma soạn Thức Thân Túc luận (mười sáu quyển, được soạn sau Phật diệt độ khoảng trăm năm, do Tam Tạng Huyền Tráng dịch). Thế Hữu soạn Phẩm Loại Túc Luận (mười tám quyển, hai trăm chín mươi trang, được soạn sau Phật diệt độ khoảng ba trăm năm) và Giới Thân Túc Luận (ba quyển, bốn mươi chín trang, do Thế Hữu soạn, trên đây gọi là Lục Túc), Ca-đa-diễn-ni soạn luận Phát Trí (mười sáu quyển, ba trăm sáu mươi lăm trang, do Đại nghĩa đầy đủ nên gọi luận này là Thân, lấy Lục túc làm chân, được soạn sau Phật diệt độ). Phàm, bảy luận phẩn phát mở mang, tài tảo khổng vượt đường gió, cạnh đó cầu thánh lý. Thức Bật thần hóa, lớn đó cùng cả thiên hạ, nhỏ đó xét hết lân hư (Bảy luận đều là văn của Tiểu thừa; Từ tảo, (văn vẻ) rộng thoáng, Phong Quy Vượt dịch, còn tánh tướng tâm sắc không gì chẳng luận đủ, lân hư là bụi trần của cực vi). Sánh các Nho môn, ba truyện bốn thi, đều là âm vàng ngọc. (Ba truyện là: Một truyện Tả Khâu Minh; hai là truyện Công Dương Cao; ba là truyện Xác Lương Dịch. Bốn thi là: Lỗ thi, người Lỗ tổ bày Bồi Công, Hán Võ vì Bồn luân vi đến đã hơn tám mươi lần dùng kinh Thi là truyện Huấn Khẩu mà không truyền, Tề Thi là do Viên Cố Sinh người Tề Lưu truyền. Hàn Thi là sở học của Hàn Anh người Yên, Mao thi, do Mao Công Tự là Văn Tháo người ở Hà Giang truyền cho Tử Hạ). Do đó khoảng đầu bốn trăm năm, ở nước Ca-thấp-di-la có năm trăm vị chứng sáu thần Thông y cứ luận Phát Trí mà soạn Tỳ-bà-sa (sau Phật diệt độ, khoảng đầu bốn trăm năm, có vị La-hán tên là Ca-chiên-diên tử đánh kiên-chùy báo khắp các trời và Hiền Thánh ở mười phương, chẳng được nhập diệt, ở chỗ Phật có được nghe một bài kệ, một câu pháp đều nên nhóm họp tại nước Ca-thấp-di-la. Lúc các thánh hiền đã đến, bèn gom điều đã nghe. Phải thì lấy, quấy thì bỏ, mới thành bộ Đại Tỳ-bà-sa, Hán dịch là Quảng Giải, cấm không cho truyền ra ngoài nước. Nghĩa là Tôn giả Bà-sa-đầu-bạc ngậm vào nước đó đọc tụng rồi ra khỏi nước trở

về nước Kế-tân lưu truyền, về sau mới lan tỏa đến các nước khác). Giải thích đủ cả ba tạng (đó là kinh, luật, luận). Do có tám phẩm, người dịch cho là tám uẩn, cũng gọi là tám tạng vậy (uẩn hay tạng đều là nghĩa tụ, tức tám kiên-độ) đến năm trăm năm, Long thọ học cùng khắp vực nội, tự cho là bậc Nhất Thiết Trí, mới lập làm Đại sư. Rộng ao A-mậu-đạt dẫn vào cung, chỉ bày cho Trần Sa Bí tạng mà. Long Thọ then chỗ mang tội suốt chín tuần mượn tụng tại cung Rộng mà rất hối hận điều xưng đó (Long thọ vốn là Phạm Chí nước Nam Thiên-trúc. Tục thông bốn bộ phê-đà, nhân vào cung vua, nhằm chán đục lạc mà xuất gia, kinh luận tụng đọc hết, tự dèm chê kinh pháp Phật nói chẳng nhiều. Sau Long Vương mời xuống cung rộng trong chín mươi ngày, chám Đề kinh còn chẳng hết, rất hối hận lời nói sai nhầm. Thông giải soạn luận Đại Trí Độ gồm mười muôn bài tụng, ở Thiên-trúc kính trọng lập miếu phụng thờ như Phật) chỗ đó tụng tập, nhân gian có người được đó, do vậy rộng soạn các luận, phi thủ giáo trước (phi là lớn, nghĩa là rất có khả năng Hoằng giữ giáo của giáo bậc Thánh trước.) Đến một ngàn năm, Thế Thân lúc đầu học Tiểu thừa, thường muốn làm việc tốt lợi đối với Đại thừa, người anh là Vô Trước, thương xót, giả có bệnh để sai người gọi đến, dùng đủ lời huyền để răn bảo. Thiên Thân trở lui mà tỉnh xét lỗi lầm cũ, sắp tự rút dao cắt lưỡi, Vô Trước bèn đến ngăn cản, (581) bảo là: Tội từ tâm người, chẳng phải lỗi của lưỡi, ngày trước đã dùng lưỡi để hủy báng, nay phải dùng nó để tán thán (hạp là sao chẳng) cắt bỏ nó đâu có ích gì? Bèn soạn ngàn bộ luận, hoặc y cứ hoặc giải thích cổ xúy cả năm thừa (Bồ-tát Thiên Thân là người nước Bồ-lũ-sa-phú-la thuộc Bắc Thiên-trúc, anh em gồm ba người đều xuất gia theo Hữu Bộ. Người anh là Vô Trước ngộ Đại thừa trước, thường lên cõi trời Đâu-suất thỉnh Di-lặc giảng nói Du-già. Thiên Chân lúc còn ở Hữu Bộ, có soạn năm trăm bộ luận Tiểu thừa, rộng bài bác Đại thừa, sau được Vô Trước chuyển hóa đã ngộ Đại thừa, bèn soạn năm trăm bộ luận Đại thừa, rộng khen ngợi Đại thừa, nên hiệu là Thiên Bộ Luận Chủ).

Ở đời Tần Chánh (Tần Thỉ Hoàng, họ Danh tên Chánh, tự là Tổ Long, con của Tần Tương Vương, gồm sáu nước, đắp xây Vạn lý trường thành, khiến kẻ sĩ ở các phương vào Biển đến Bồng lai tìm thuốc tiên), có mười tám vị Sa-môn từ Tây Vực đến (đó là mười tám người như Thất-lợi-phàng, v.v...) kia bạo doanh mới có sự thiên hạ, chẳng hoàng Đại đạo (hoàng là kip, chẳng kip hành Đại đạo). Xấu ta có đức nên bắt giam các Sa-môn lớp tướng, bị thần lực sĩ phẫn phát oai phong đánh tướng (Thỉ Hoàng chỉ hàng phục lễ tạ. Đạo nhân tức trở về Tây



quốc). Phàm Tần đó đối với đạo ta như đá chẳng thấm nước, môn của Cao Manh chẳng đủ để phát thuốc đó ở đây, Tần mới vô đạo, dùng thiện để cảm hóa đó nên chẳng cùng đến. Tấn Cảnh Công bị bệnh cầu thuốc ở Tần, mộng bệnh hóa thành hai đứa trẻ bảo là: Kia là lương y sợ thương tổn ta ư? Một đứa bảo ở trên cao ở dưới cao, như ta làm sao thầy thuốc đến? Nói bệnh tật chẳng thể làm vậy, nay Tần bạo ác chẳng đáng để thiện hóa, như Cao manh của Tật). Tuy đương thời Sa-môn chẳng thấy bày ở Tần mà lúc đó cũng rất được nguyên do đó (Thất-lợi-phòng, v.v... tuy chẳng được Tần thấy gặp mà lại cấm đó, vì Tần hung bạo mà chẳng nhận nạp ở Thiện cũng làm nhân của Đẳng lan). Tâm người hiểm dễ nhàn ở sông núi, sau đó chỗ lại thật may. Thất-lợi-phòng, v.v... trước ban thưởng đó, chẳng cầu đó chẳng đến (thường là thử, vì Thất-lợi-phòng, v.v... trước thử lại, tần tuy chẳng nhận, sau lại Tam Tạng mang việc này mà biết. Nên nếu không Thái Hâm sai người cầu thỉnh thì chẳng đến nơi đây). Năm Tân Mão, tức niên hiệu Vĩnh Bình thứ bảy thời Hậu Hán (đem niên lịch mà so sánh, thì phải là năm Giáp Tý, nay nói Tân Mão là nhầm) Hiến Tông mộng thấy người vàng (Hiển Tông là Minh Đế, chúa thứ hai thời hậu Hán, tên là Trang, con của Quang Võ, hoàng hậu Âm sinh ra). Cổ đeo ánh sáng mặt trời, bay ở sân điện, nghiêng y đêm hầu sáng (hầu là đợi. Đêm mộng thấy người vàng khắp mình phát ra ánh sáng, bèn ngồi đợi sáng), gọi các quan để hỏi. Phó Nghị đáp rằng: “Đó là thần Phật” (bấy giờ vương Tuân Phó Nghị v.v... tâu, năm thứ hai mươi bốn đời vua Chiêu Vương nhà Chu, Thái sư Tô Do tâu: Phật sinh ở Tây Quốc, một ngàn năm sau Thanh Giáo lưu truyền đến đây. Nay đã hơn ngàn năm nên là thần Phật đến) bèn sai Tái Hâm Tần Cảnh đem mạng lệnh cầu ở mộng (bèn sai gồm mười tám người như Thái Hâm v.v... sang Tây Quốc đi tìm). Đến Đại Nguyệt Thị, cùng gặp Ma Đẳng, Trúc-Pháp-Lan (Đến nước Nguyệt Thị thấy hai vị Tam Tạng: Một vị họ Ca-diếp tên Ma-Đẳng, một họ Trúc tên Pháp-lan). Hai vị đó từ trước đã chứa nhóm chỉ ý đi xa cứu tục, gặp Tần Cảnh Thái Hâm mà hợp (Tần Cảnh v.v... thấy hai vị Tam Tạng ở nước Nguyệt-thị bèn cầu thỉnh đưa về đất Hán) mười năm sau tức năm Giáp Ngọ (vốn là năm Đinh Mão, Giáp Ngọ là nhầm, Hán Sứ đến từ Tây Vực. Hai Sa-môn đến đất Lạc (thời Hán đóng đô ở Lạc Dương). Dâng tượng Phật Thích-ca và các kinh. Từ đó bắt đầu có chùa ở Lạc Dương (Tam Tạng mới đầu đến ở chùa Hồng Lô, vì đường Bạch Mã Đà mà đến, bèn gọi là chùa Bạch Mã. Nếu theo tiếng Phạm là Tăng-già-lam, Hán dịch là chúng Viên, nghĩa là chỗ hành đạo) Làm tượng tại Đài Thanh Lương ở

Nam Cung và cửa Quan Dương trên gò Hiển Tiết (đều là đồ tượng ở các xứ này) kinh đó mới đầu bảo phiên dịch, ghi ở đầu kinh bốn mươi hai chương (Ma-đăng hai Tam Tạng mới đầu dịch kinh một quyển, tên là Kinh Tứ Thập Nhị Chương) cất giữ tại Thạch Thất Lan Đài, đợi người có thể nghe nghe đó ở mục thay (Thạch thất Lan Đài là bí lầu chứa kinh. Ư tha là từ ta thán, mục là kính). Thánh giáo đó ở thời, đó có thể thuận theo chẳng thể cưỡng. Thuận thì ác vật (ác là thãm đượm, nghĩa là như đời của Hán Minh mà lại). Cưỡng thì tỳ vật (như đời Tần mà lại bị bệnh). Nên suy dẫn đến đạo, nếu chẳng phải chí trí thì chẳng thể thấy, người cũng có lời nói, Vĩnh Bình là đời gì? Minh Đế là đức gì? Bởi nguyên thuận nhân nhật nhân nghĩa dân phước, đạo đức và Ngũ Kinh sắp biến mất ở đời (từ thời Vĩnh Bình, đạo đức đã mất, Văn Tịch sắp rớt, nên là nói đời rất mỏng nhạt) mà từ vận dựng xa, Thích giáo tỏa rộng, khiến Phương Tây nhàm chán chỗ tập học trước mà ưa thích điều nghe mới (Phật pháp đối với đời mỏng nhạt mà lại khiến người nhàm chán nhân nghĩa lễ nhạc mà ưa thích giáo mới đó, đời cũ tập mới mà hành đó) thay trái theo cần ba huấn cát cử để sáng khắp thiên hạ (Huấn là giáo, Tốt là tập, dùng ba giáo tập cử mà giáo hóa thế gian) nên đạo ta sao sắp chẳng thể nếu khắp, tuy ngàn năm tham thần trái (giáo ta là gốc của Hán đạo, nếu chưa hợp với đời trải qua kỳ hạn ngàn năm như sao Tham và sao Thần hẳn chẳng hợp nhau), sắp có thể nêu, tuy muôn dặm phong mã cùng chung (đó hoặc giáo có thể nêu, đường đi tuy muôn dặm cũng có thể chung. Phong mã là con cái, con đực theo nhau. Tê Hoàn đánh Sở, Sở tử nói: Đến chỗ Phong Mã, trâu chẳng kịp). Vì vậy Hán ban chiếu ở Thiên Thù, thánh nhật xuất hiện ở phương Đông (thù là biên, nghĩa là Tần Cảnh, v.v... đến Nguyệt Chi, thánh nhật nghĩa là Ma-đăng đến phương Đông) Đuốc sinh linh ở trùng ngân, bày Đại giác ở Chiêu Hồi (ngân là biên, Phật nhật soi chiếu các loài sáng đẹp đất trời). Mượn mộng một đêm, tiếng cây gió đến muôn xưa, như Đế Trang là thiên hạ thật có vua (Hán Minh nằm mộng thấy người vàng, tây tâm giáo pháp mới lập phong phạm, Thanh giáo cuối cùng làm quy của muôn xưa). Tuyên tâm mâu du sáng mở có Hán, như Vương Phó Tần Thái, như Hán thật có bề tôi (mâu là thanh, du là đồ, Tuyên tâm thanh đồ mở vận Minh Hán, nghĩa là Vương Tuân Phó Nghị Tần Cảnh Thái Hân, v.v...) là Di đồ của Pháp Vương (Di là miêu, đồ là đệ) mở mang nối tiếp Đức Âm, như Ma-đăng là Thiên-trúc thật có tăng (năng nối dõi Thanh giáo) miêu quán xưa trước, Đức lớn lợi này thật chằm ở sinh dân, dân gánh vào ơn đó, lan tỏa tốt lành mạnh mẽ, thanh ở kính thờ (miêu là nhỏ nhiệm), vậy

quán đời trước có lợi đối với dân, cảm ân đó, thì phát dương tốt lành, nghiệp lớn bày tỏ ở hưởng tế). Nên lễ nói, pháp thí đối với sinh nhân, chết thì cúng tế, đen nhọc định nước thì cúng tế, dùng khả năng chế ngự tai họa lớn thì tế đó, năng chống đỡ đại nạn thì tế đó, mà hai họ cùng hai ba bề tôi xưng giáo của Kim tiên thích tục của chưa nghe, khiến người đem chân thành của khỏn khỏn (khỏn khỏn là thiết thực) biết chỗ về của tội phước, nhàn chán thân có bờ mé, chuộng lý của diệt tâm (Hán Minh cùng hai ba bề tôi, mới đầu mở mang Phật giáo, khiến tục của mê đảo ngộ hiểu tội phước nhằm chán thân có tận, chứng lý vô sanh). Khôi khôi (lông lộng) công của huyền hóa bao trùm ở nhân từ, mà đời đời chẳng sùng trọng tầm chiêu đó điện lễ đó, tuy xưa nói khuyết mà nay cũng chưa được (khôi khôi là khuếch (lớn to)). Vì công đó tuy to lớn tạo hóa đối với phép thờ hợp nên bao trùm đầu đó, mà ở đời chẳng sùng trọng tầm miếu, rõ hưởng điện đó, ở xưa nói là thuyết nay cũng chưa được chẳng thuyết) từ mới đầu là Hán Trung Hưng, từng giọt ở Lạc thương (lạc là dật (trần đầy)). Hán Thủy mới đầu ra chỉ có thể trần đầy một chén uống rượu (thương). Phật pháp từ mới đầu ở thời hậu Hán từng giọt nhỏ chảy như mới đầu ra của sông Hán) Ngụy chảy Thúc Tân (đến đời của Tào Ngụy dần như dòng chảy ở Thúc Tân) mãi đến nay thời Đại Đường ta, phong đó xâm rộng, (từ đời Hán Phật pháp bắt đầu đến, cho đến thời Đại Đường này, pháp đó dần rộng lớn). Cúc sư chúng bộ (Cúc là tận cùng) hơn tám ngàn quyển, nay các Phạm tặng lại phiên dịch chưa xong. Trong khoảng đời Tề đời Lương, hai nhà họ Tiêu (Nam Tề Tiêu Diễm thành, Lương Võ Tiêu Diễm, hai Triều hai tiêu đều đóng đô ở Kim Lăng). Học ưu từ hợp ở chế soạn, như Cánh Lăng Vương Tử Lương, sao tập các kinh riêng làm bảy mươi bộ, hai trăm năm mươi chín quyển (Tề Cánh Lăng Vương đem bộ loại sao tập đó). Tuy đương thời tự ý chẳng muốn truyền ra ngoài, mà đời sau ghi chép ở các chánh lục. Lương Thái Tử Cương (tức Giản Văn Đế) soạn Pháp Bảo Liên Bích hai trăm quyển, sa-môn Tăng Hựu (soạn Hoằng Minh Tập mười sáu quyển). Tăng Mân (ở núi Hồ Khâu, Tiêu ngang đến kính lễ mà vẫn nằm dài chẳng dậy, người đời gọi là Tổ vương đời Lương). Bảo Xương (vị tăng chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, là người biết rộng nghe nhiều, Lương Võ khiến soạn Kinh Luật Dị Tướng năm mươi quyển). Trí tạng (là bậc cao tăng thông minh biết rộng đời Lương) thấy đều thuật lại rất nhiều điều mục, đời sau hoặc có phước, thông trang mà tuân kỳ lộ (thông trang là đường lớn, nghĩa là Chánh kinh, kỳ là đường nhỏ, là các tập). Bấy giờ, Thái Học Giang sắc nữ (học sĩ đời Lương) vừa mới tám tuổi từ niên

hiệu Vĩnh Nguyên năm thứ nhất đến niên hiệu Thiên Giám thứ tư (Vĩnh Nguyên là niên hiệu của Nam Tề, Thiên Giám là niên hiệu của Lương Võ Đế, từ năm Kỷ Mão đến năm Ất Dậu, tính ra là bảy năm) ngồi yên nhắm mắt, tự nhiên rụng ra ba mươi quyển (nay trong tạng có đề mục mà không có văn kinh. Đã chẳng phải Phật nói nên nay ở Ngụy Lục). Các người bàn luận cho là trời trao, làm sao phân biệt chân ngụy ư? Đại thừa lấy một pháp cho là thật tướng (Thật tướng là chân như) Tiểu thừa thì có ba, đó là các hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn vắng lặng, nhưng có trái đối với đây thì chẳng phải giáo của ta. Đó có vu lụy Phàm thiện, như các kinh Thất Phật thân chú, Phổ Hiền chứng minh, pháp Hoa Độ lượng, Thiên địa bát dương, Diên thọ mạng, v.v... trái với các giáo điển, mất thể của thánh ngôn, còn ở nghi ngờ là ngụy chẳng phải điều đáng nói. (đều nghi là ngụy lục) (582). Đó hoặc chất trước nhỏ nhiệm (như các kinh Âm Trì nhập đạo địa, v.v...) như các kinh Hán Ngụy thất dịch, nay ở tại chánh lục) tuy chẳng nhả áo, lại chẳng phải khuyết lằm, nghiệm xét đó trùng dịch chẳng thể phế bỏ, nhưng được chim tuy lưới có một mắt, mà nhờ muôn mắt gần ở một mắt. Vượt ra khỏi khổ tuy pháp của một môn, mà gần muôn pháp giúp ở một môn (tuy dùng một mắt được chim mà chẳng thể chỉ mở ở một mắt, tuy dùng một pháp khế cơ mà chẳng thể chỉ diễn một pháp) nên diễn mà bày đó làm tám mươi bốn ngàn pháp tạng. Mâu Tử nói (Mâu Tử là quan Thái thú đời Thương Ngô, viết sách đề là Mâu Tử) kinh Phật trước nói việc trong ức năm, tức nói cốt yếu của muôn đời. Thái tổ chưa triệu, Thái Thủy chưa sinh, trời đất mới dấy, tinh tế chẳng thể nắm, mỏng dính chẳng thể nhập, Phật đều lan tỏa ngoài cửa rộng lớn đó, mở chiếc trong cửa sâu xa đó, không chi chẳng ghi chép, kinh quyển đó dùng muôn kế, nói dùng ức số (nên Long Thọ qua chín mươi ngày ở nơi cung rộng chẳng thể đọc hết đề mục đó). Thí như xuống sông uống nước no mà tự đủ, sao biết còn lại đó ư? Kinh của hai thánh Hàm Hạ (là Hiếu tử tuyên phụ) ở trăm họ như Bắc thần đối với Huyền tượng (Khổng Hiếu là Bắc thần, các vị Hiền triết là các sao) mà ngoài của Khổng lão còn có cách ngôn của tượng giáo. Dương Chu tuệ thí dòng của hư vô (rút từ Trang tử). Mặc Dịch, Hàn Thi dòng tế thể (rút từ Sử Ký) trong thời gian đó, Mã Thiên tu chỉnh sử (Tư Mã Thiên tự là Tử Trường, người thời Hán Võ, làm Thái sử tiếp nối cha tu chỉnh Sử Ký gồm một trăm ba mươi quyển) trước Hoàng lão mà sau Lục kinh (Lục kinh là Xuân Thu, Lễ Ký, Mao Thi, Thượng Thư, Chu Dịch, Nhạc Ký vi v.v...) Ban cố nghệ văn (Ban Cố, tự là Mạnh Kiên, tu chỉnh tiền Hán Thư một trăm hai mươi

quyển) mới đầu là nhà Nho, kế tiếp là đạo đức và kế nữa là tông ta làm ba giáo (cái gọi là Nho, Đạo, Thích) nâng mặt trăng mới chẳng thể hư nát, đến chỗ Phế Hưng lấy bỏ, đều hệ thuộc ở thời (hoặc lấy hoặc bỏ, hoặc phế hoặc hưng đều hệ thuộc ở thời số) đó có người làm ở đời sau, hoặc từ thắng so với lý, hoặc tài chẳng bằng sự (hoặc từ tuy dồi dào mà lấy đó rỗng trống, hoặc sự tuy đủ sử mà tài lực chẳng đủ) chuyên hoa bỏ thật (là lọt mất, người khéo viết sử đối với sự thật phần nhiều bị mất) chuông đen chẳng chuông vàng biết đó là hoạn ở năm bất, ai có khả năng cùng người chết giao luận (của biến kế, mà chỗ hoạn sắc đời ngăn ngủi, ai năng cùng người đời trước giao luận phải quấy ư). Người chẳng biết thật tụng tại tâm, truyền bá lưu tỏa vô cực (các học trò chẳng rõ chỉ biết trì tụng ở tâm, lưu bố vô tận mà thôi) nhưng Nho giáo lấy triều tự tán nhưng làm giếng mỗi của nước nhà (triều là lễ của xa trông hợp hầu, tự là sự của sáu cúng tế ở Tông miếu, Táng là nghi của Điều tặng bồ Lâm, nhưng là sự giảng võ chinh phạt) gần hành đạo đó tốt khắc du phần (du là nơi chốn, phần vận là loạn, năng bao gồm sự đó mà thực hành thì lễ ít có phần loạn). Giáo lý của Thích lão ở tại dấu vết Hư Huyền xen quyền thật (lý đã hư vô u huyền, đạo đó hoặc thật. Đến nỗi khiến hạng người bậc trung trở xuống (thượng sĩ nghe mà thực hành, trung sĩ như còn như mất, hạ sĩ xem thường mà cười) gá nương nói quanh co hẳn chẳng yêu thì vọng, tiếng trịnh loạn nhã, mắt cá khi xem thường châu ngọc. Do đó đạo thì có Hóa Hồ kinh (do Đạo sĩ Vương phù đời Tấn soạn, một quyển, sau dần thêm mười một quyển) Di Hạ ba phá mười vị chín mê (đều là văn của Đạo môn chẳng phải Thích giáo) thích thì có diệt hoặc ngự Di Hạ (Tiểu đạo luận v.v... chân Loan đều ở Hoàng Minh tập) Phá tà biện chánh (Sa-môn pháp Lâm đời Đại Đường soạn) rồi ren lẩn giá. Đã trái lẽ mà qua, cũng trái lẽ mà lại (mâu thuẫn lẫn nhau) tình ý kỳ mộ (kỳ là ghét, mộ là yêu thích). Nghĩa chẳng do thẳng, cùng gá nhau như chấp buộc (lấy cong làm thứ chẳng vậy) tương thù hưởng đáp, nhữu làm biên giản (nhữu là lẫn lộn) muộn làm Côn Đẳng (Côn Đẳng là lấp bịt) đầu liên quan bản của mười hai phần năm ngàn văn ư (ý chỉ bậc thánh vốn không có văn phải quấy) Tây Vực gồm giáo của một đời Đức Phật, chia làm ba thời, đó là: Hữu giáo (tức là A-hàm) Không giáo (tức tám bộ Bát-nhã v.v...) chẳng không chẳng hữu giáo (tức kinh Giải Thâm Mật) còn xứ này lấy năm thời để so sánh: Một là bốn đế (đó là bốn sự khổ tập diệt đạo, Tiểu thừa giáo); hai là Bát-nhã (đó là tám bộ Bát-nhã, không giáo); ba là các kinh luận Tịnh Danh, Tư Ích ,v.v... (đó là luận Duy-ma, v.v... Bát Tư Nghị Giáo); bốn là Pháp

Hoa (gom hai về một, là Trung đạo giáo); năm là Niết-bàn (viên tịch giáo hoặc có người cho là không đúng, nay còn ở xưa (nghĩa là ba thời giáo)).

## II. CHÂN TỤC PHÙ HỢP

(Ngâm khế vô vi là chân, có tướng động dụng là tục. Tục chẳng phải chân mà chẳng hưng chân, chẳng phải tục mà chẳng phải hiển bày chân tục, nương nhau, có không cùng hiển nên gọi là Phù Phù Khế). Các bậc của chiêu cơ là có (chiêu là hiển, nương giáo của ngôn luận trải qua môn của tu chứng) các bậc minh cơ là không, (minh là tối, vượt tướng ngôn luận, lia cánh của tác vi) trái nhau là đạo (nói chân là ở tục còn mê, còn tục là ở chân chưa rõ, đều lấy chấp làm đạo). Như một bánh xe chạy giữa đường, kỳ hàn xoay giữa trời đều làm sao được (Kỳ là đơn lẻ, hàn là vốn hai bánh mới chuyển, chim dùng hai cánh mà bay. Nay đối với chân tục nếu chẳng viên thông, như xe một bánh, chim của cánh lẻ, đều bằng nhau) chỉ đạo đó chẳng mở mang, làm chỗ y cứ của vật, miệt du tế đó (miệt là không, du là nơi chốn, nếu chẳng mở mang đạo chân tục, muốn làm tông tượng của vật thò sẽ không thành, tế là thành). Nên lấy hai môn chân tục làm then chốt chung của đạo, thối muôn hữu ở một ngón tay, lắng các động ở tuyệt điền, mệnh môn sao chân có thể vào đường lớn của pháp môn chẳng hai (nhiếp muôn hữu mà ở một chỉ thú, lắng các lự mà hết hình điếm, ở chỗ đối thì rõ ràng không) khởi mãi may can thiệp động đó gọi là Tục (chưa hẳn dùng tạo cảnh của chí cực, bèn làm chân, can thiệp hữu làm tướng, bèn cho đó là Tục, đâu kỳ hạn vậy ư?) chân là tánh không (nghĩa là không của chân tánh, lý của viên thành) tục ấy là giả có (nghĩa là y tha huyền có). Có của giả có, gọi đó là tự có (pháp đó vốn không, nương duyên mà có, duyên lia thì không, tự có của huyền hoặc đó) không của tánh không, gọi là chân không (trên của chân tánh, bốn tướng Bách Phi không được) nên bậc tổ ngộ lập chân ở trái nhau của tục (chân là vô vi, tục là hữu vi, vì hai pháp chẳng đồng) hợp chân tục ở chẳng hai (chân là lý, tục là sự, sự không lý mà chẳng dấy, lý không sự mà chẳng hiển, không tục chẳng thể nói chân, không lý chẳng thể bàn sự, chẳng tức chẳng lia nên làm chẳng hai). Trung đạo chiếu suốt, rõ ràng Huyền hội, chưa từng có một sự đáng tình đó. Phàm lý giản dị như vậy ở đâu chẳng hiển bày, nghiệp

lâu lớn ở đâu chẳng đủ (Hệ từ nói: Dị thì dễ biết, giản thì dễ theo, dễ biết thì có thân, dễ theo thì có công, thuận tình của muôn vật, thông chí của thiên hạ, thì năng thành công có thể lâu dài, có thể lớn lao). Tuy Tăng-kỳ nói: Xa pháp thân không ngoài sao ngộ ư (A-tăng-kỳ, Hán dịch là vô lượng, từ Thập Tín sơ phát tâm cho đến cuối thế đệ nhất, gọi là Sơ-tăng-kỳ, từ kiến đạo đến cuối địa thứ bảy là Tăng Kỳ thứ hai, từ địa thứ tám đến đạo giải thoát, gọi là Tăng-kỳ thứ ba, ngoài ba Kỳ này mới được thành Phật, cũng chẳng xa ư. Nhưng lý của pháp thân xưa nay dung chứa lẫn nhau, mê ngộ tuy khác mà chẳng phải bên ngoài được) nên muôn tượng nói chân, lấy không làm tánh (Trúc biếc rờn rờn đều là chân như, hoa vàng rực rỡ không gì chẳng phải Bát-nhã), dùng tướng hữu vi nói về giả (nương giả tức tướng của chân không) đã không giả một chất, hai mà không được, chẳng phải Trung đạo, làm sao (không là tánh, giả là tướng, tướng chẳng lìa tánh, tánh chẳng lìa tướng, nên nói là một chất, hai mé là hai bên, hai bên không được nên khế hợp Trung đạo) vì vậy quán sinh của tượng cũng chẳng có tự thể, đợi các duyên kia sinh. Đã đợi duyên thì tượng vốn là không (pháp kia muôn tượng vốn không tự thể, duyên hợp mà sinh, duyên lìa mà diệt. Nếu tâm pháp bốn duyên, sắc pháp hai duyên, tự chẳng năng sinh thì là không tự thể), căn là ở không (tượng của giả có lấy không làm gốc) không gồm ở tượng, đợi tướng hiển bày. Hiển đã ở tượng thì Không là tượng. Ngoài tượng chẳng có không (không của vô vi gồm tượng của hữu vi, sắp hiển vô vi phải nhờ hữu vi, hữu vi thì chẳng hiển, vi là sở hiển). Thí như ở trăng nước duyên hợp thì thấy, ai được gọi đó là không, hình là đối không thật. Ai được gọi đó là có (mặt trăng vốn ở trên trời, bóng nó trôi dưới nước, ai nói đó là không, nước vốn không trăng, mượn chỗ ảnh trôi, ai được nói có). Nên Diệu Thể của bậc thánh khoảng của có không năng thành dụng của có không. Đó gọi là chí (vì vậy bậc thánh mới rõ thể dụng đó). Thanh Biện nói: Hữu vi như Huyền hóa, vô vi như Không hoa. (Luận Chưởng Chân nói: Pháp hữu vi giống như Huyền Hóa, vốn chẳng thật có, pháp vô vi giống như hoa đốm trong hư không, định chẳng khởi nên). Huyền pháp giả có, vừa có vừa không (sừng thỏ vốn không, nhà ảo thuật dùng khăn tay mà giả có, lìa khăn tay thì không có sừng thỏ, như pháp hữu vi nương các duyên mà giả có, lìa các duyên giả pháp vốn không, cho nên vừa có mà vừa không) Không Hoa vốn không, bởi do không mà tự có, không mà tự có, lắng ở mé chân (chân tánh vốn không, chẳng khởi giống như Hoa đốm trong hư không, vi là hữu vi làm nương tựa, do đó

tợ có đây vốn không, tức là lắng yên mé chân) có mà vừa không, lại về vô vật (nếu dùng pháp hữu vi của giả có, duyên tan về nguyên tức vốn không vật) Hỏi là hai dụ để bày pháp tắc, pháp không chỗ (hai dụ; Huyền pháp dụ cho chân tánh hữu vi, dùng Không Hoa dụ cho chân tánh vô vi) chỉ khéo vắng tự là, được kiếu mà chẳng được số, khéo tâm học là biết cực mà chẳng biết tượng (vật sinh có tượng tượng, sau đó có số, kiếu là biên, cực là chung. Đãi của Tâm vắng, tuy được lối nhỏ của mé kiếu mà chẳng được tổng số của chỉ quy đó. Truyền tâm ẩn là, tuy được diệu môn của chung cực, nhưng chẳng biết điềm tượng của nguyên thí). Giữ hai bờ mà chẳng hết, hoạn là ở đây (một là duyên vắng tự mà dính mắc có, một thì bác bỏ các tướng mà dính mắc không, đều giữ bên của một bờ, đâu đạt lối của Trung đạo) nên dính mắc có là lạm ở thường, theo không là xen ở đoạn (chấp hữu là chấp các pháp là thường, như ngoại đạo chấp bốn biến thường. Lại, Tiểu thừa chấp tất cả hữu, v.v... chấp không là như ngoại đạo chấp luận bậy đoạn diệt, v.v... lại tông ta cũng có khi bác bỏ các pháp toàn là không, v.v...) cùng với Thiệp đoạn làm sao cùng lạm thường. Thường thì có pháp đáng tu, đoạn thì không thiện nào chẳng bỏ, bỏ thì đáng với tà kiến, tu thì tiệm ở chân đạo (như bác bỏ Bồ-đề Niết-bàn là không, v.v... nên nói làm sao có thể khắp có, như núi Tu-di chẳng thể bác bỏ là không, như hạt cải) nay có phong ở táng hữu, chấp không làm môn chí cực (như đời gần đây nói thiền kẹt ở đạo của táng hữu là: Toàn chấp không làm đạo chí cực). Thử hỏi: Không đây là có thể thủ hay chẳng thể thủ (nếu vậy thì lỗi gì). Nếu có không có thể thủ thì không làm mà có (không đã có thể thủ há chẳng phải có? Vì dùng tâm của phong chấp thủ không hỗn mang (đây chỉ diệt không của đấng nhiên) đâu liên quan gì lý tu hành thấy tánh? Nếu không chẳng thể chấp thì cùng có chỉ dứt trừ (có cũng chẳng thể chấp cùng không có gì riêng). Đã cùng có đều khiến trừ thì cũng cùng có đều còn (có đã chẳng thể chấp còn không, dứt trừ, ở đó có không cũng chẳng thể chấp, đâu ngăn ngại cũng còn có) nào riêng đạo còn không ư? Năng dứt trừ tất cả và còn tất cả, thì đấng nhiên không lụy (ở tướng thì không có chẳng không, hỗn chân thì có không đều sạch) mới gọi là chánh quán của Đại Sĩ, huyền chiếu của đạo tràng (lìa tướng hai thủ nên gọi là thật trụ duy thức). Long Thọ nói: Thí như có đến nước khác, quán ở nghịch lữ (nghịch lữ là nhà khách) chủ nhân nghịch lữ dâng đó, dùng cơm ngon mới triệt (triệt là bỏ, nghĩa là thấu cơm) khách làm mà từ nói, có gì ư? (Thấy thức ăn ngon mà nêu câu hỏi) người chủ nói: Vì nước tôi có



tướng nên, kia lười mà nói riêng: Tướng cùng vị hợp nói thì vẫn đến là cũng như riêng làm vị ư? Mới tuyên tuệ của người chủ (tuyên là rõ, nghĩa là nhớ rõ lời nói của người chủ). Do đó, âm nơi nhà chúc tướng (âm là tối, chúc là bán) tham buông lung tâm mình, ở phòng không người, thuộc yếm mà ăn (thuộc yếm là nói túng) mạn quá khát mà chết, Phạm lấy thiên không làm đạo là cũng rất cùng lấy không làm hại (dính mắc mà chẳng thông hiểu nên bị hại). Luận Trung Quán chép: Nếu người thấy có không, thì Chư Phật chẳng hóa, sợ mê đắm nên răn đoạn. Trong kinh nói: Tỳ-kheo Thắng Ý nghe Hỷ căn nói Dâm-nộ-si là đạo (Bồ-tát Hỷ căn nói Dâm-nộ-si là đạo là, như nói trước dùng móc đục kéo, sau khiến vào trí Phật, v.v...) bất bình lý đó, phần mạn sinh ra. Hỷ căn quán ở đời khác có ích, gượng trao chẳng kỳ (nay tuy chưa đạt, trọn làm nhân lành cho đời khác, kỳ là quán) chỉ nay tà kiến là nhằm chấp vấn đó làm danh tướng, đều không làm ác chẳng tạc (tạc là hổ thẹn, nghe nói không cho là chẳng được ý đó bèn bỏ danh tướng đều không mà chẳng hổ thẹn). Đâu được ý kinh. Nhưng mà thứ nói: Hoàng kiến có cực, hội có cực đó, quay về có cực, Hoàng Đại cực trung (phạm lập sự phải dùng đạo của Đại Trung. Ở đây so với văn thượng thư có khác chút ít) đạo của Đại Trung, chẳng phải bậc thánh chẳng năng, ngũ hầu thực hành đó (đạo của Đại Trung là chín trừ: Một là Ngũ Hành; hai là Kính dụng ngũ sự; ba là năng dụng tán chính; bốn là Hiệp dụng năm kỳ; năm là kiến dụng Hoàng cực; sáu là lại dùng ba đức; bảy là minh dụng xét nghi; tám là niệm dụng thứ trưng; chín là hưởng dụng năm phước, oai dụng sáu cực; có ai đủ chín đều này là bậc thánh quân tử Đế vương). Lễ nói: Trung dung chí hỷ đó ư? (Lễ Ký thứ mười sáu có thiên Trung dung) dung là thường, dụng trung làm thường đạo, nên Hoàng cực là trung trung của muôn hóa, trung dung có đạo ở trong đó) làm tánh của chí đức, làm hình dung của muôn vật (làm chủ trương của muôn hóa, chân thể của âm dương). Lão thánh nói, ba mươi bức cộng một cốc, đáng dụng không có xe đó (văn trong chương mười một của Lão Tử đạo kinh, ba mươi bức là nhiều, một cốc là ít, lấy ít gồm nhiều. Ở đây nêu pháp của Viên Xưởng có tự thể mà giúp dụng của vô thể). Duyên thực dùng làm khí đó (duyên là hòa, thực là đất, hòa là đất làm đồ gốm, là có khi dùng nội không xứ có dụng đựng vật, nên có đó dùng làm khí (đồ đựng) (như sự pháp hữu vi) không đó dùng làm dụng (như vô vi mượn sự pháp hữu vi mà hiển bày) không thì là trung (trung dụ cho chí đạo) Trung bày một, nên nói thiên được một để trọng, địa được một dùng Ninh (văn trong chương

ba mươi chín của Lão Tử, vật được đạo dụng nên thiên thanh mà địa minh. Dụng mất thì thật táng (vùi lấp)). Dịch chép: Thần vô phương mà dịch không tự thể (văn của Hệ từ, thần là âm dương chẳng lưỡng, dịch thì chỉ có chỗ biến đó, chẳng thể dùng một một phương một thể mà nói). Lại chép: Một âm một dương gọi là Đạo (đạo là tên gọi của tịch nhiên không tự thể, âm dương tuy khác mà không có một để đối đãi, tại âm dùng vô âm âm để sinh, tại dương làm không dương dương để thành, nên nói một âm một dương) chỉ yết lệ có sâu cạn mà thuyết của ba môn là khác, (Luận Ngữ chép: Sâu thì lệ, cạn thì yết, Nhĩ Nhã chép: Lấy áo thấm nước làm lệ, nếu cạn thì nhúng áo vào, cạn thì yết vén áo. Cạn thì vén dụ cho hành đạo quán đó có cạn sâu) nắm giữ Đại Trung ở trong, hành đức giáo ở ngoài, trời đất hòa bình, quỷ thần chẳng linh, nên Đại Đình rạng rỡ (đều là vua trước ..., trị) được thuật hay của Trang Hoàn, gồm muôn hóa ở vô vi (chẳng thân thân đó, chẳng con con đó, vô vi tự hóa) xưa kia, miếu của Lỗ Hoàn (Hoàn Công, thì trọng tử con Ân Công con của Lỗ Tuệ Công sinh ra) có kỳ khí vậy (hình như hũ gốm nhỏ, dùng đựng nước, rỗng thì ỷ, ỷ là nghiêp, trung (vừa) thì chánh, đầy thì úp, dụ giữ đạo Trung Chánh) lấy Trung Chánh để chỉ bày cho người, Trung thì chánh, chánh thì rỗng đầy hợp độ, siêu nhiên đặc thực, mới đầu ở mắt, sau ứng ở tâm, sâu mà mát mẻ (đặc thọ đó là, mới đầu trông ở mắt mà cuối cùng ngộ ở tâm, Huyền mà có thể tin) thư nói: Nương mà không ngược, giản mà không ngạo (văn của Thuấn điển, cương mất vào ngược, giản mất vào ngạo) Tử ôn mà lệ, oai mà chẳng mãnh (văn của luận Ngữ Ôn là Hòa, lại nghiêm lệ, tuy nhiên là chẳng mạnh mẽ) đều là bậc thánh quân tử, Quyền hành vật lý, tâm dung sự hội mà chẳng mất trung (trên đây tuy là điều ngoại điển nói, nhưng đều lấy nghĩa của Trung. Ý Hòa-thượng Bắc Sơn chỉ người học có học không nên được Trung). Trí luận dùng đại sĩ quán ở sắc không như thầy trò mổ trâu (văn luận Đại Trí Độ và văn của Tráng Tử ý toàn đồng nhau). Họ Trang lấy làm Bào Đình mổ trâu, mắt không hoàn toàn trâu (Bào Đình làm Văn Tuệ Quân mổ trâu, chỗ tay xúc chạm, chỗ của vai tựa, chỗ của chân đạp, chỗ của gối tựa, v.v... là nhiên hưởng vậy, tấu dao v.v... nhiên chớ chẳng trúng, âm hợp ở cách múa của Nhu lâm, mới trúng hội của kinh thủ, vì thần gặp mà chẳng dùng mắt nhìn, dùng một dao suốt mười chín năm mổ mấy ngàn con trâu. Dao nếu mới ra từ đá mài là, tiết kia có khoảng mà dao nhọn không dày, dùng không dày vào có khoảng. To lớn thay đó ở dao nhọn hẳn có thừa vậy, đây là trang sinh ngu nói nhục đạo, lấy ý lợi

dụng chẳng dính mắc) vì sao? Vì chất của châu đội sừng rử hồ (hồ là thịt ở cổ) là có, khoảng cốt tiết thì không như vậy, nhọn của không dây nhập vào thân có khoảng, sao được chẳng khô khô ư? Nào có của trâu. Người giết mổ trâu biết rõ đó, (lúc chưa mổ trâu, chỗ thấy không chẳng phải trâu là, sau của ba năm chưa hề thấy toàn trâu, vì thân gặp đó) thầy trò mổ trâu rõ khó đó. Đó như Lương Bào Tộc Bào dao có lâu mau. (Lương bào năm đổi dao hại, Tộc Bào tháng đổi dao bề, cùng dao mười chín năm khác). Nên trong thể là chẳng lấy vật thật làm ngại (được đao đó là vật chẳng năng ngại) mà núi Diệu Cao nhét vào Hải cái, thật ủy chín chú ở Hào Khích (ủy là chín biển) thật có thể được mà dễ (ý kinh Tịnh Danh) Lão thánh nói: Hủy không chỗ ném sừng đó, hổ không chỗ mượn móng, binh lính không chỗ dung nhọn (đây chẳng tâm hại vật không hại vậy, nên không chỗ của ném sừng, mượn móng chứa nhọn), Trang Thị chép: Đại xâm cúi lạy trời mà chẳng mê đắm, (Đại xâm là biển, kê là đồng, văn của Thiên Tiêu Dao). Đại Hạng vàng đá chảy, đất núi cháy rụi mà chẳng nóng (chẳng vì lạnh nóng mà đối tượng, chẳng vì thế vật đoạt tháo đó). Trọng Ni thấy Lã Lương Trọng nhân trong dòng ba mươi nhận. Thị Trung tín chọn nhạt bôi lợi (bảy thước làm nhận, đao Thị Trung Tín, mà chẳng sở hiểm trở) há chẳng đều dùng gần lý Đại Trung, hòa tánh của phẩm vật mà năng đến ở đây ư? Nên đi trên nước chảy vào lửa, chạm mũi nhọn, đâm nguy ách, thân có thể bay lên, tai năng nghe rõ, mắt năng thấy suốt, chánh do tâm rộng mà thôi (Lão Tử nói: Rộng tâm, thật bụng), Tâm rộng nên chẳng ngược đối với muôn vật, (không đây kia mà tiếp đó) muôn vật cũng cùng ta huyền thuận. Tánh của hoạt nhiên không đến đâu chẳng hợp (rộng tâm tâm vật, chỗ gặp Huyền Hội). Và lại, nước lửa là có hại của vật (nước năng trôi chìm, lửa năng đốt nóng, đều là cái hại của vật, mà loài vảy nuôi ở suối (cá rồng có nước để sống) thú sinh ở lửa (như có chuột lửa đều sống trong lửa) kia đâu mượn phương thuật của chế ngự nước lửa ư? Chỉ tánh hợp ở tảo thấp, khí đồng ở lạnh nóng, nên dung nhau mà chẳng trái nhau, sinh nhau mà chẳng hại nhau, thật thì hoàn toàn (đã chẳng thương tổn nhau thì tin nước lửa năng toàn ở vật), hướng chi có đao là mà đức toàn ở muôn loại ư? Nên Đại sĩ dùng tâm này học, gọi là thiền, thiền là tĩnh lự (tiếng Phạm là Tam-ma-hý-đa, Hán dịch là Tĩnh lự. Định này năng dùng lắng tâm lự) ngoại cảnh chẳng đủ để chuyển đổi tình gọi là Định (tiếng Phạm là Tam-muội, Hán dịch là Chánh Định). Định là chuyên nhất, hề có dùng thân thì Phật dứt trừ tượng, nếu ở vị của đại thánh là,

thật ngu bội ngược mình (như đồ chúng của Kim Cang thiền). Nếu thật là dùng nước lửa thì đâu được nhiều may đó là khỏi ư? (Nếu ném đồ ở nước lửa thì đâu thể trốn lánh cái hại), hạ thức kém lắm, lời không đúng lý, chẳng lý thật hành, gá mà nói tâm thẳng đường khó mình (như người mù dẫn đám mù). Người làm đạo có ba thứ biết tâm, hành tâm, khiến tâm, xét ở mình, sau đó nói chỗ đó đến. Biết tâm nghĩa là rõ chân vọng. Hành tâm nghĩa là diệt thương ghét, khiến tâm nghĩa là khắp dơ sạch, (tâm tịnh thì thế giới tịnh đồng). Nay mới bắt đầu học, mới muốn tự biết, đối với thứ khác thì thiếu, sao tâm tự lừa dối (các thiền sư thời nay thường tự cho là đắc mà lừa dối với người là như do quả Kim Cương thiền, v.v... yêu loạn là nhiều) nên đại bi vô cùng, cơm thơm vô cùng, Đại Trí chẳng ngại, phương trượng chẳng ngại (như Duy-ma-cật đại bi vô cùng, chỗ lấy cơm thơm chẳng cùng tận, chỗ tu trí hành chẳng chướng ngại, nay chỗ phương trượng chiêu cảm cũng chẳng chướng ngại) kinh nói: Nếu lúc thành Phật, đủ ba mươi hai tướng v.v... (văn kinh Pháp Hoa) mới được gọi là hết hẳn. Hành nhạc, Thiên thai (tức Hòa-thượng Tư Đại ở Nam Nhạc, đại sư Trí Giả ở Thiên Thai) nhất tâm tam quán (nghĩa là Đại Bát-nhã, đại pháp thân, Đại Niết-bàn. Một là từ giả vào không, quán sắc tức không, nên hiển pháp thân, hai là từ không vào giả, quán không tức sắc nên hiển Bát-nhã, ba là không giả bình đẳng, nghĩa là sắc không chẳng khác nên là Niết-bàn) thành ở viên y ba đức (trên đây ba pháp tướng nương nhau mà thành, gọi là ba đức, cũng gọi là viên y, Phạm Thụ nói chữ y có ba điểm, như ba mắt trên mặt Ma-hê-thủ-la) bởi được đó là Long thọ. Gia Tường quyền thật song hành thành ở hai chân Bi Trí (Tuệ Kiểu là tăng trụ chùa Gia Tường ở Cối Kê, học thông nội ngoại, giỏi về kinh luật luận, dính mắc dấu vết Phạm Võng, Niết-bàn, v.v... vì có đại bi nên ưa thích độ sinh, vì có đại trí nên ưa thích đoan chứng, nương nhau như hai chân người) bởi được đó ở Hoa Nghiêm (đây mới được ý chỉ của thật tánh). Bồ-đề-đạt-ma trí tư vô vi, vô tư, vô lự, được đó ở tánh không (lấy từ niên hiệu Thiên Giám thời Nam Lương đến nay) mà đời gần đây chẳng biết không, chẳng lìa giả, bỏ có cầu không, khác đâu mới ở việc làm đó (vì chân không chẳng lìa giả có) làm sao vẫn dẫm tục là biết giả chẳng lìa không (dẫn trải sự pháp, biết sự pháp lấy không làm chỗ nương tựa) thì đạt chỗ của ta làm, chẳng gọi là tục (tuy tục mà năng đạt thân đó, đâu được gọi là Tục?) ở chân là biết chân, chẳng lìa giả thì chiếu chẳng làm của ta chẳng gọi là chân (ở chân năng biết chân dùng tục hiển thì chẳng chấp chân mà tự) nên Đại

thánh ba cõi làm Vô sinh, Nhị thừa diệt ba cõi làm Vô sinh (Đại thừa mới ngay tức mà nói chân, Tiểu thừa là diệt tục mà bàn chân) thiên viên hơn kém là ở đây (Đại thừa do Viên thông giải thoát, Tiểu thừa vì thiên chấp tự dính mắc) kinh nói: Tuy biết các cõi Phật và và chúng sinh là không, mà thường tu tịnh độ, giáo hóa các chúng sinh (tuy biết có tướng là không mà chẳng phế bỏ độ sinh) đó gọi là hành trung đạo. Như vậy, nấu vàng dẹt lụa ai gọi đó là có, lụy gót chân nhắm mắt, ai gọi đó là không (ở đó làm ma rõ tướng của có làm, ai nói đó ở có ư? Ở không làm là đạt không làm, ai nói đó rơi vào không của không làm ư?) đó năng thể đạt hành ở phi đạo thông hiểu Phật đạo, mới có thể nói là cùng cực ( thể đạt được phi đạo đó, mà thông hội được Phật đạo, mới có thể nói về lý chí cực đó). Kia cô lậu là gọi đó là gì ư! (Hạng mê không đấm có đâu biết đạo). Hạng có trí bảo trọng với danh tiết nổi trội riêng, mà năng trì luật đấm danh dự, mà chẳng năng rộng tâm hợp đạo (chỉ bền chắc tâm tiểu tiết có vị đạo của viên thông) lạnh thì vào nước, nóng thì vào lửa, khát thì ăn muối, đó là chết giá buốt, buồn làm thần chùa, tuy gắng gỏi tiết tháo dốc thành thực mà chẳng biết sở do của đạo, phạm lạnh nóng là hằng kỷ của đất trời, kia còn phức mà trái đó (phức là ngang bướng). Thịt ngăn nằm tình ở vật ta ư? (tổ thứ hai mươi là Xà-dạ-đa đến thành La-duyệt gặp một vị Đầu-đà sáu thời lễ niệm, ít muốn biết đủ, thường ngồi chẳng nằm, ngày ăn một bữa mà thôi. Tôn giả bảo đại chúng; Vị Đầu-đà này các ông thấy thế nào? Đại chúng đáp: Chẳng thể nghĩ bàn, thường tu phạm hạnh, đây là đạo chẳng? Thật như. Hành giả. Tôn giả bảo: Nay vị Đầu-đà chẳng bao lâu sẽ đọa lạc, cách đạo xa vời, tâm có sở đắc, chẳng gọi là Đạo. Đại chúng hỏi: Sao biết? Tôn giả đáp: Ta chẳng cầu đạo, cũng chẳng điên đảo, ta chẳng ngồi hoài cũng chẳng biếng lười, ta chẳng ngày ăn một bữa cũng chẳng ăn tạp, ta chẳng biết đói cũng chẳng tham dục. Vị Đầu-đà nghe nói vậy bèn sinh kính trọng, ở Thiên-trúc gọi là Biển Hành Đầu-đà, tức Bà-tu-bàn-đầu) nên sống nhọc hình, chết đấm chìm không tướng trạng, mà Tiểu thừa đối với Đại thừa trì luật là phá giới (như luận Du-già chép: Bồ-tát nếu thấy hữu tình chịu nghiệp ác, riêng đoan mạng đó, tự chịu nghiệp sát, khiến thân đó được thoát khổ, v.v...) Siêng năng là biếng lười (ưa đấm pháp tiểu thừa là biếng lười) tin là trí chướng (tin tiểu quả mà chẳng khởi Đại Trí) nghĩa có thể thấy. có chấp quên lời làm đạo là hẳn cũng loại đây. Phạm chẳng biết mà nói là nói dối, không biết nói mà chẳng nói là thận trọng lời nói đó . nương lời mà nói gọi là học nói (nương lời nói của người. Biết nói mà

---

không nói là lời nói yên tĩnh). Đó muốn mất ở lời nói mà chẳng quả ở tâm của mất lời nói, thì tuy hưởng dứt ở ngoài, tình xao động bên trong, bởi chẳng mất đó (miệng tuy hết nói mà tâm đuổi theo danh lợi thì chẳng phải ở tâm của mất nói) phàm năng nói rõ sinh ở vật vật đều tự hóa, nói đó cũng tự hóa, suốt ngày nói mà thường im lặng, đó gọi là chân thật mất nói (tuy nói mà tâm chẳng dính mắc) mà trong kinh, Tịnh Danh chẳng nói, do các Đại sĩ trước nói đã đến hết lời chẳng? (Chẳng nói là chân thật vào pháp môn chẳng hai) lại còn gọi là gì. Trung Thị vô vi, gọi là chẳng cáo biết đạo Bắc, vì người đó chẳng thể hội lời nói mà ngay nơi đạo mới chẳng cáo vậy (cáo là thỉnh, tự ấn chứng chẳng thỉnh cáo) như trong kinh nói: Pháp đó chẳng thể bày, tướng nói phô vắng lặng (văn kinh Pháp Hoa, bàn chân lý đây là tướng nay) há chẳng nói ư? Do đó Bát-nhã âu hòa làm hai đầy đủ của viên tông. Bỏ phương tiện thì Bát-nhã soi chiếu lẽ loi (tiếng Phạm là Bát-nhã, Hán dịch là Trí, tiếng Phạm là Ân-hòa-câu-xá-ra, Hán dịch là phương tiện. Phương tiện và trí thể dụng nương nhau. Nếu bỏ dụng của phương tiện thì thể của Bát-nhã là soi chiếu lẽ loi,) cho nên chí đạo, gồm trời đất, bao gồm muôn vật, động biến hóa, được đó vào một trần mà rộng thoáng cả pháp giới (một trần chẳng hẹp, pháp giới chẳng rộng, thoáng) mất đó đạo pháp giới mà hẹp ở một trần (chẳng được đạo đó là tuy pháp giới mà chật hẹp so với bụi cát). Núi lớn đó cũng đầu mảy lông mùa thu mê ngộ sao trái nhau (Thái sơn và Thu nữ lớn nhỏ chẳng bằng nhau, tình của mê ngộ thông suốt, dính mắc, cũng là riêng).

